

Bản án số: 10/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 13/8/2020
V/v: Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Sự và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/5/2020 về việc “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Tuyền, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thanh T vào năm 2009 tại UBND xã B, huyện B. Quá trình chung sống, chị và anh T sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Gia B, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011. Sau đó, do vợ chồng mâu thuẫn nên vào tháng 6/2015 chị làm đơn xin ly hôn anh T. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2015/QĐST - HNGĐ ngày 02/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã giao cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu H; giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu B; anh, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau ly hôn, chị cho cháu H về thành phố T ở cùng bố mẹ đẻ; còn cháu B ở với anh T tại nhà ông bà nội ở xã B. Do mỗi lần chị gọi điện thoại về thì cháu B đều khóc và nói mẹ và em H đi rồi, ngày nào bố T cũng đi vắng để con cho ông bà nội, mà ông bà nội bận, con toàn ở nhà 1 mình cứ 3 giờ chiều mới được ăn cơm trưa. Nhiều lần như vậy nên chị muốn đón cháu B lên thành phố T ở cùng chị nhưng anh T không đồng ý. Vì quá thương con nên chị đã quay về chung sống cùng anh T để nuôi cháu B nhưng chị và anh T

không đăng ký kết hôn lại. Hai người thuê nhà ở xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam để ở và mở cửa hàng thẩm mỹ. Do anh T làm nghề hát chầu văn hầu đồng nên thường xuyên vắng nhà; để thuận tiện công việc và đưa đón con đi học nên chị đã chuyển trường cho cháu B từ xã B về xã T cho gần nhà. Trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên chơi lô đề dẫn đến nợ nần; nhiều lần chị và gia đình phải trả nợ thay anh T, nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi. Cuối năm 2019 do có nhiều chủ nợ của anh T thường xuyên đến chỗ ở đe dọa làm chị và cháu B hoảng sợ. Không chịu được hoàn cảnh như vậy. Đến tháng 4/2020 chị chủ động đưa cháu B về thành phố T ở tại nhà ông bà ngoại và học ký gửi tại Trường Tiểu học Đ, thành phố T; cùng thời gian này chị xây nhà trên đất chị mua năm 2019 để ba mẹ con chị ở. Từ đó đến nay cháu B đã học tập tốt hơn, còn anh T chưa lần nào lên thăm hay đến đón cháu B về chơi, cũng không có trách nhiệm gì với cháu. Để cháu B được chăm sóc với điều kiện tốt hơn, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Gia B, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu B vì chị đang làm nghề Spa phun xăm thẩm mỹ, làm đẹp và buôn bán hàng mỹ phẩm, thu nhập mỗi tháng khoảng 40.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu B và cháu H ăn học với điều kiện tốt.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Trần Thị Thanh H vào năm 2009 tại UBND xã B, huyện B. Quá trình chung sống, anh, chị sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Gia B, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011. Sau đó, do vợ chồng mâu thuẫn nên vào tháng 6/2015 chị H làm đơn xin ly hôn anh. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2015/QĐST - HNGĐ ngày 02/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã giao cho anh được quyền nuôi dưỡng cháu B; giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu H; anh, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau ly hôn anh và cháu B ở cùng bố mẹ anh tại xã B còn chị H đưa cháu H về thành phố T sống. Đến tháng 3/2016 anh và chị H về chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn lại. Hai người thuê nhà ở xã T, mở cửa hàng Spa. Do công việc nên anh thường xuyên vắng nhà và do làm ăn thua lỗ anh cũng nợ tiền của một số người; từ đó anh và chị H lại xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến tháng 4/2020 thì chị H muốn rời đi, anh đã cố gắng níu kéo nhưng chị H không đồng ý mà tự ý dọn hết đồ đạc và chuyển trường cho cháu B về thành phố T học tập và sống tại đó. Nay chị H đề nghị Tòa án giao Nguyễn Minh Gia B cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh không nhất trí và đề nghị Tòa án giao cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu B như nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2015/QĐST - HNGĐ ngày 02/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Chị Trần Thị Thanh H đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh

Nguyễn Thanh T không chấp hành quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là anh T không chấp hành giấy triệu tập, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Nguyễn Minh Gia B, sinh ngày 26/5/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H là thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; đồng thời anh T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết và xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về giải quyết vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đề nghị giao cháu Nguyễn Minh Gia B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh T có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Gia B, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2015/QĐST - HNGĐ ngày 02/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu B, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu H; anh, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau ly hôn chị H và cháu H ở thành phố T, tỉnh T cùng ông bà ngoại; anh T và cháu B ở xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cùng ông bà nội. Vì thấy cháu B không được bố quan tâm, chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của cháu và vì thương con nên tháng 3/2016 chị H quay về chung sống với anh T; hai người thuê nhà tại xã T huyện B, tỉnh Hà Nam để ở, nuôi con và buôn bán, anh chị không đăng ký kết hôn lại. Anh chị chung sống nhưng không có tình cảm, luôn mâu thuẫn vì anh T chơi bời lêu đẽ, cờ bạc nợ nần nhiều, chủ nợ thường xuyên đến đòi nợ, đe dọa mẹ con chị H, gây khó khăn cho cuộc sống của hai mẹ con nên đến tháng 4/2020 chị H đã đưa cháu B về lại thành phố T sống.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020, cháu Nguyễn Minh Gia B trình bày: Sau khi mẹ H và em H không ở cùng với cháu tại nhà ông bà nội thì bố T cũng thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm sóc cháu; bà nội làm nghề thầy cúng thường xuyên vắng nhà; còn ông nội cũng thường xuyên đi làm lại phải chăm

sóc hai em con nhà chú, do thím cũng bỏ đi; vậy nên chủ yếu cháu ở nhà một mình; việc sinh hoạt hàng ngày và đi học do cháu tự làm. Đến khi bố mẹ về ở với nhau và đón cháu sang Trường tiểu học xã T thì cháu rất vui vì được mẹ H chăm sóc, còn bố T thì vẫn thường xuyên vắng nhà, mỗi lần về bố hay đánh chửi cháu; ngoài bố ra còn có những người khác cũng đến chỗ ở chửi bới, đòi nợ bố T làm cháu rất sợ. Tháng 4/2020 mẹ H đã cho cháu về thành phố T ở cùng với em Hân; từ đó đến nay bố T chưa lên thăm mẹ con cháu lần nào, bố cũng không gọi điện nói chuyện với cháu. Nay cháu chỉ muốn ở với mẹ vì mẹ luôn quan tâm, chăm sóc và yêu thương cháu; còn bố suốt ngày đi vắng lại còn hay chửi đánh cháu nên cháu không muốn về ở với bố.

- Tại biên bản làm việc với Toà án ngày 09/7/2020, đại diện trường Tiểu học xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam cũng xác định từ tháng 8/2017 đến tháng 4/2020 khi cháu B là học sinh của trường thì chị H là người thường xuyên đưa đón cháu B; chị H trực tiếp nộp các khoản thu cho nhà trường và tham gia họp phụ huynh cho cháu B. Nhà trường chưa cho chị H rút hồ sơ chuyển trường cho cháu B là vì chưa có sự đồng ý của anh T – là người được Tòa án giao quyền nuôi dưỡng cháu B. Khi nào có sự đồng ý của anh T hoặc có quyết định của Tòa án giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng thì nhà trường sẽ cho rút hồ sơ.

- Tại biên bản làm việc với Toà án ngày 25/6/2020, chính quyền địa phương xã B đã xác định: Sau khi anh T, chị H ly hôn thì anh T và cháu B ở cùng nhà với bố mẹ anh T. Do anh T làm nghề đàn hát chầu văn hầu đồng tự do nên thường xuyên vắng nhà, điều kiện chăm sóc con cũng hạn chế. Qua dư luận, địa phương được biết từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2020 anh T và chị H quay về chung sống cùng nhau ở xã T; anh chị cũng không đăng ký kết hôn lại. Lý do anh chị lại không ở cùng nhau nữa là do anh T thường xuyên chơi lô đề dẫn đến nợ nần nhiều; chủ nợ thường xuyên đến đòi nợ nên chị H đã đưa con về ông bà ngoại ở. Địa phương không xác định được thu nhập hàng tháng của anh T.

- Tại biên bản làm việc với Toà án ngày 17/9/2020, chính quyền địa phương xã T đã xác định: Từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2020 anh T, chị H và cháu B sinh sống và mở cửa hàng Spa tại thôn C xã T. Trong quá trình anh chị sinh sống tại địa phương thì anh T thường xuyên vắng nhà, chị H là người đưa đón cháu B đi học. Từ tháng 4/2020 đến nay anh chị không sống tại địa phương nữa. Qua dư luận, địa phương được biết do anh T thường xuyên chơi lô đề nên nợ rất nhiều người; từ cuối năm 2019 các chủ nợ thường xuyên đến chỗ ở gây áp lực đòi nợ; chị H không chịu được đã mang con về thành phố T ở.

- Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2020; bà Nguyễn Thị H – Người cho chị H, anh T thuê nhà ở xã T cung cấp: Từ 3/2016 đến 8/2017 chị H, anh T thuê nhà của bà vừa làm nơi ở nuôi cháu B vừa mở cửa hàng Spa và buôn bán hàng mỹ phẩm. Trong thời gian thuê nhà, anh T làm nghề đàn, hát chầu văn hầu đồng thường xuyên vắng nhà nên mọi việc trong sinh hoạt, chăm sóc, đưa đón cháu B đi học chủ yếu chị H là người trực tiếp làm.

- Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2020; bố đẻ anh T là ông Nguyễn Văn T cho biết: Sau ly hôn, đến tháng 3/2016 chị H có quay về chung sống với anh T tại nhà ông được vài ngày thì anh chị và cháu B sang ở nhà thuê tại xã T và mở cửa hàng. Đến tháng 8/2017 ông có làm nhà ở xã T và cho anh chị mượn để sinh sống và bán hàng.

Tháng 4/2020 thì chị H đã đưa cháu B về quê ngoại ở tỉnh T ở. Trong quá trình anh chị chung sống ông thấy chị H chăm sóc cháu B chu đáo. Do yêu cầu của công việc (anh T làm nghề hát văn hầu đồng) nên anh T thường xuyên phải xa nhà ít ngày; mỗi lần có giấy báo của Tòa, ông nhận thay và gọi điện thông báo cho anh T biết nhưng anh T đều nói đã có lời khai nộp cho Tòa án, do bận công việc không về được, để chị H tự giải quyết một mình với Tòa án. Còn việc anh T có thu nhập như thế nào và nợ nần ai thì ông không nắm được.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù khi ly hôn, anh T được Tòa án giao quyền nuôi dưỡng cháu B nhưng thực tế anh T thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm chăm sóc cháu B. Bên cạnh đó anh còn có những việc làm ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu B làm cho cháu luôn sống trong sự bất an, sợ hãi. Chỉ khi cháu B được chị H về ở cùng chăm sóc thì cháu mới tìm thấy niềm vui và sự phát triển tốt. Xét thấy hiện tại anh T thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc con; bản thân cháu B tha thiết muốn ở với chị H; nếu tiếp tục để cháu B ở cùng anh T thì sẽ không đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu. Ngoài ra hiện chị H có việc làm cho thu nhập ổn định, có chỗ ở riêng đảm bảo sinh hoạt của ba mẹ con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; giao chị H được quyền nuôi dưỡng cháu B thay anh T là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung khi thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích cho chị H biết về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ; đây cũng là quyền lợi cho cháu B sau này nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu B cho chị với lý do hiện chị làm công việc Spa phun xăm thẩm mỹ, làm đẹp và buôn bán hàng mỹ phẩm thu nhập mỗi tháng khoảng 40.000.000 đồng nên chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H, cháu B ăn học mà không cần sự đóng góp của anh T. Hơn nữa điều kiện thực tế hiện nay anh T còn nợ nần, công việc, thu nhập không ổn định, kinh tế gặp khó khăn. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị H, nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Nguyễn Minh Gia B, sinh ngày 26/5/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thanh H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2015/0002554 ngày 27/5/2020.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- UBND xã B;
- UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Ngọc